| | |
|---|---|
| UBND HUYỆN CẦN GIỜ<br>**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1458/GDĐT<br>V/v giải quyết tình trạng thừa giáo viên các cấp học | *Cần Giờ, ngày 01 tháng 10 năm 2021* |

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở;
- Hiệu trưởng trường Chuyên biệt Cần Thạnh.

Căn cứ Công văn số 2573/SGDĐT-TCCB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giải quyết tình trạng thừa giáo viên các cấp học.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đề nghị Hiệu trưởng các trường thực hiện các nội dung sau:

1. Rà soát số lượng và cơ cấu giáo viên ở tất cả môn học; xác định cụ thể số lượng, cơ cấu, độ tuổi của giáo viên thừa ở từng môn học.

2. Xây dựng phương án giải quyết phù hợp với từng đối tượng giáo viên theo hướng dẫn tại mục 2 văn bản số 3397/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *(đính kèm văn bản)*.

3. Dự trù kinh phí để hỗ trợ giáo viên trong quá trình điều chuyển, sắp xếp; giải quyết chế độ nghỉ hưu sớm và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên.

4. Gửi hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào tạo (Bà Nguyễn Thị Yến Lan) **chậm nhất Thứ tư ngày 06 tháng 10 năm 2021**, thành phần cụ thể gồm:

- Văn bản đề nghị *(theo mẫu)*;

- Báo cáo số liệu thống kê *(Mẫu M1, M2)*;

- Phương án giải quyết đối với giáo viên thừa (kèm danh sách cụ thể từng trường hợp) *(Mẫu M3, M5);*

- Bảng dự trù kinh phí hỗ trợ giáo viên và kinh phí đào tạo bồi dưỡng giáo viên *(Mẫu M4)*;

- Nhập dữ liệu theo đường link gửi qua mail các đơn vị.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về nội dung và tiến độ thực hiện để Phòng Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân huyện phúc đáp Sở Giáo dục và Đào tạo./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Lãnh đạo Phòng GD và ĐT;<br>- Lưu: VT, TC. | **TRƯỞNG PHÒNG**<br>CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM<br>PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO<br>H. CẦN GIỜ - T.P. HỒ CHÍ MINH<br>**Võ Thị Diễm Phượng** |

| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:3397 /BGDĐT-NGCBQLGD<br>V/v giải quyết tình trạng thừa giáo viên các cấp học phổ thông. | *Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2021* |

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong thời gian vừa qua, để đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn rà soát biên chế, tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, chuẩn bị đội ngũ giáo viên[1]. Về cơ bản, các địa phương đã triển khai tốt các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, nhiều địa phương chưa giải quyết triệt để việc rà soát, sắp xếp, điều chuyển, bố trí số giáo viên thừa ở các cấp học. Theo cơ sở dữ liệu quốc gia ngành Giáo dục, năm học 2020-2021, toàn quốc thừa 10.344[2] giáo viên chủ yếu ở cấp tiểu học và trung học cơ sở khi việc sắp sếp, bố trí giáo viên được phân cấp cho chính quyền cấp quận/huyện (Cụ thể, cấp tiểu thừa học 5.341[3], THCS thừa 4.688[4], THPT thừa 315[5]). Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng thừa giáo viên là: việc tuyển dụng không sát với nhu cầu và quy mô phát triển trường, lớp, học sinh; việc bố trí, điều động, phân công giáo viên chưa phù hợp, nhiều địa phương chưa có sự chỉ đạo thống nhất của chính quyền cấp tỉnh/thành phố trong việc điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu trên phạm vi toàn tỉnh; do cơ cấu giáo viên phải bố trí theo từng môn học; tình trạng di dân cơ học tại một số khu công nghiệp, đô thị lớn...

Để giải quyết cơ bản tình trạng thừa giáo viên, làm căn cứ cho việc duyệt và giao bổ sung biên chế giáo viên còn thiếu của các địa phương, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện những nội dung sau:

1. Chỉ đạo rà soát số lượng và cơ cấu giáo viên ở tất cả các cấp học, môn học; xác định cụ thể số lượng, cơ cấu, độ tuổi của giáo viên dư thừa ở từng trường, từng cấp học, môn học.

---

[1] Công văn số 1019/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 24/3/2020 về việc chuẩn bị đội ngũ thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 240/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/01/2021 về việc rà soát biên chế ngành Giáo dục; Công văn số 371/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 26/01/2021 về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên tin học , ngoại ngữ dạy tiểu học từ năm 2022-2023.

[2] Số liệu chi tiết của từng địa phương đề nghị tra cứu trên cơ sở dữ liệu ngành.

[3] Gồm có: Bắc Giang, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Quảng trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng, Tây Ninh, Tiền Giang, Bến tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau

[4] Gồm có: Nam định, Ninh Bình, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Kon Tum, Đắk Lắk, Bình Phước, Bến Tre, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trang, Cà Mau.

[5] Gồm có: Quảng Trị, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Bình Thuận, Kon Tum, Bình Phước.

2. Chỉ đạo xây dựng phương án giải quyết phù hợp với từng đối tượng giáo viên theo nhiều phương án như:

- Điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu (ưu tiên theo thứ tự cùng cấp học, môn học; cùng xã, cùng huyện, trong tỉnh).

- Những giáo viên còn độ tuổi công tác, có năng lực và nguyện vọng phù hợp với nhu cầu thì tổ chức đặt hàng các cơ sở đào tạo giáo viên để đào tạo văn bằng hai; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để đủ điều kiện dạy các môn học còn thiếu, môn học tích hợp. Đồng thời, ưu tiên bố trí đủ cơ sở vật chất ở cấp Tiểu học để dạy 2 buổi/ngày (đủ 9 buổi/tuần) theo quy định.

- Những giáo viên do sức khỏe, độ tuổi hoặc do nguyên nhân khác không bảo đảm yêu cầu giảng dạy thì xem xét điều chuyển vị trí việc làm từ giáo viên sang nhân viên trường học (thiết bị, thí nghiệm, thư viện,...) hoặc bố trí nghỉ hưu sớm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, cần dựa trên nguyên tắc công khai, công bằng; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của giáo viên; phát huy năng lực, sở trường của giáo viên và tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên yên tâm công tác. Chú trọng việc tuyên truyền, phổ biến để tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện và khen thưởng kịp thời các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt.

3. Bố trí kinh phí để hỗ trợ giáo viên trong quá trình điều chuyển, sắp xếp; giải quyết chế độ nghỉ hưu sớm và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nhằm bảo đảm chế độ, chính sách cũng như an sinh xã hội đối với giáo viên.

4. Việc giải quyết tình trạng thừa giáo viên thực hiện trước ngày 30/10/2021 và báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ trước ngày 15/11/2021 để làm cơ sở đề xuất, báo cáo Chính phủ bổ sung biên chế còn thiếu cho các địa phương. Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất chỉ xem xét, đề xuất và báo cáo Chính phủ bổ sung biên chế đối với các địa phương đã giải quyết được tình trạng thừa giáo viên và đã sử dụng hết số biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện, những vấn đề cần trao đổi, xin liên hệ về Cục Nhà Giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (ông Nguyễn Hồng Đào, số điện thoại: 0988335968, email: nhdao@moet.gov.vn) để được phối hợp giải quyết.

Trân trọng./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thưởng**

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bộ Nội vụ (để p/h chỉ đạo)
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Vụ: GDMN, GDTH, GDTrH, KHTC (để t/h);
- Các Sở GD&ĐT, Sở GD,KH&CN Bạc Liêu (để t/h);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

| | |
|---|---|
| UBND HUYỆN CẦN GIỜ<br>**Trường.....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /.....<br>V/v báo cáo giải quyết tình trạng thừa giáo viên tại đơn vị | *Cần Giờ, ngày tháng năm 2021* |

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ công văn số /GDĐT ngày …….. của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giải quyết tình trạng thừa giáo viên các cấp học. Trường ... báo cáo như sau:

1. Tổng số giáo viên thừa: .....

2. Phương án giải quyết tình trạng giáo viên

- Số giáo viên chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu: …….. người
- Số giáo viên phải đào tạo, bồi dưỡng lại: …….. người
- Số giáo viên bố trí công tác khác: …….. người

3. Dự toán kinh phí hỗ trợ giáo viên không thể bố trí công tác khác

- Dự toán chi cho số giáo viên phải đào tạo, bồi dưỡng lại: …….. đồng
- Dự toán chi cho đối tượng nghỉ hưu sớm theo quy định: …….. đồng

Trường ... báo cáo như trên để Phòng Giáo dục và Đào tạo được biết./.

*(Đính kèm hồ sơ theo quy định)*

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**<br><br>..... |

Trường .....

M 1

# BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU TÌNH TRẠNG THỪA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

| STT | Số lớp | Số học sinh | Môn học | Giáo viên | | | | | Độ tuổi | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | Từ 21 đến 30 | | | | Từ 31 đến 40 | | | | Từ 41 đến 50 | | | | Từ 51 đến 60 | | | | Ngoài 60 | | |
| | | | | Tổng | | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | |
| | | | | **Định mức quy định** | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | |
| 1 | | | Dạy nhiều môn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | Tiếng Anh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | Tiếng Hoa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | Thể dục | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | | Âm nhạc | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | | | Mỹ thuật | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | | | Thủ công-Kỹ thuật | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | | | Tin học | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | | | CT Phổ cập | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | | | Tổng phụ trách | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | | | Khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Cộng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Các loại hình trường Chuyên biệt, Trường BDGD...thực hiện thống kê theo Mẫu M1, M2 tùy cấp học.

**HIỆU TRƯỞNG**

Trường .....

M2

# BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU TÌNH TRẠNG THỪA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

| STT | | | Môn học | Giáo viên | | | | | Độ tuổi | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | Từ 21 đến 30 | | | | Từ 31 đến 40 | | | | Từ 41 đến 50 | | | | Từ 51 đến 60 | | | | Ngoài 60 | | |
| | Số lớp | Số học sinh | | Tổng | | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | Nữ | | Tổng | | |
| | | | | **Định mức quy định** | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | Hiện có | Thừa | |
| 1 | | | Văn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | Sử | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | Địa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | GDCD | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | | Toán | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | | | Lý | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | | | Hóa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | | | Sinh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | | | Tin học | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | | | Tiếng Anh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | | | Tiếng Pháp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | | | Tiếng Hoa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | | | Tiếng Đức | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | | | Thể dục | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | | | Mỹ thuật | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | | | Âm nhạc | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | | | Công nghệ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | | | Khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Cộng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HIỆU TRƯỞNG**

Trường ...

M 3

# BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG GIÁO VIÊN

| STT | Tổng số giáo viên (GV) | | | | Số GV điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu | | | | | | | Số GV phải đào tạo, bồi dưỡng lại | | | Số GV bố trí công tác khác | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Cùng cấp học | Cùng môn học | Trong xã | Trong huyện | Trong Thành phố | Khác | Cộng | Do không đảm bảo yêu cầu giảng dạy | Khác | Cộng | Nhân viên trường học | | | | | Cho nghỉ hưu sớm theo quy định | Khác | |
| | | | | | | | | | | | | | | | Thiết bị | Thí nghiệm | Thư viện | Khác | Cộng | | | |
| | Tên Trường | **Định mức quy định** | Hiện có (*) | Trong đó nữ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

* Ghi chú: thống kê số liệu tính trên số GV hiện có

**HIỆU TRƯỞNG**

Trường ...

M 4

# BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ GIÁO VIÊN KHÔNG THỂ BỐ TRÍ CÔNG TÁC KHÁC

| STT | Tên trường | Tổng | Dự toán chi cho số GV phải đào tạo, bồi dưỡng lại | | | | | | | Dự toán chi cho đối tượng nghỉ hưu sớm theo quy định | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng chi | Số người | Mức chi đề xuất | | | | | Tổng chi | Số người | Mức chi đề xuất | | | | |
| | | | | | Tổng kinh phí chi | Của cá nhân | Nguồn của đơn vị | NS Nhà nước | Nguồn khác | | | Tổng kinh phí chi | Của đơn vị | NS Nhà nước | Nguồn khác | |
| *1* | *2* | ***3=4+11*** | *4=5*6* | *5* | *6=7+8+9+10* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11=12*13* | *12* | *13=14+15+16* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |

**HIỆU TRƯỞNG**

Trường: .....

M 5

# DANH SÁCH GIÁO VIÊN THỪA

| Stt | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nữ (X) | Mã CDNN | Phương án giải quyết | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Điều chuyển | Bồi dưỡng lại | Bố trí công tác khác | Nghỉ hưu sớm |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

* Đánh dấu X vào phương án giải quyết

**HIỆU TRƯỞNG**